

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KAMADO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KAMADO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KAMADO JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KAMADO.JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 4101599027

3. Ngày thành lập: 08/06/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ 8, Khu vực 2, Phường Thị Nại, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0913656883

Fax:

Email: KAMADO6888@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp	6810(Chính)
2.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
3.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
4.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
5.	Đúc sắt, thép	2431
6.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
7.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
8.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
9.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
10.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
11.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
12.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
13.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
14.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
15.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
16.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
17.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
18.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

Thời gian đăng từ ngày 08/06/2021 đến ngày 08/07/2021

21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
23.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
24.	Tái chế phế liệu	3830
25.	Xây dựng nhà để ở	4101
26.	Xây dựng nhà không để ở	4102
27.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
28.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
29.	Xây dựng công trình điện	4221
30.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
31.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
32.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
33.	Phá dỡ	4311
34.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
35.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
37.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
38.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
40.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
41.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
42.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
43.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
46.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
47.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
48.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
51.	Bốc xếp hàng hóa	5224
52.	Cho thuê xe có động cơ	7710

53.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
54.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
55.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
57.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
58.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
59.	In ấn	1811
60.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ in rập khuôn tem)	1812
61.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
62.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
63.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (trừ đấu giá)	4610
64.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
65.	Hoạt động phải bảo đảm điều kiện, Giấy phép Kinh doanh theo quy định	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG QUỐC TOÀN	Thôn Tam Lộng, Xã Hương Sơn, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000.0 00	30.000.000.000	50,000	0260800027 69	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.000.0 00	30.000.000.000	50,000		
2	PHẠM THỊ HỒNG YẾN	Thôn Đông Hòa, Phường Đồng Tâm, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.100.0 00	21.000.000.000	35,000	0251810012 21	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.100.0 00	21.000.000.000	35,000		

3	NGUYỄN XUÂN THỦY	Số 18 ngõ 6 phố Vũ Hữu, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	10,000	001061016705
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	10,000	
4	LÊ QUANG NGUYỄN	Số 502/28 Nguyễn Viết Xuân, Tổ 4, Phường Hội Phú, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	5,000	230517289
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG QUỐC TOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/09/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026080002769

Ngày cấp: 14/12/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Tam Lộng, Xã Hương Sơn, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tam Lộng, Xã Hương Sơn, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định